

THƯ VIỆN
TỈNH SƠN LA

ĐC.1
T455T

DC5363

NHIỀU TÁC GIẢ

TỔNG TẬP DỰ ĐỊA CHỈ VIỆT NAM

TẬP 2

QUỐC CHỈ



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



ĐỀ DẪN TẬP II QUỐC CHÍ (DƯ ĐỊA CHÍ TOÀN QUỐC)

(TRÍCH BỘ SÁCH LỊCH TRIỀU HIỂN CHƯƠNG LOẠI CHÍ)

Tập II - Quốc chí (Dư địa chí toàn quốc) tiếp tục phần *Quốc chí* sau tập I, được tuyển chọn những sách *Dư địa chí* viết về cả nước của các tác gia danh tiếng và cơ quan trọng yếu của Nhà nước phong kiến thời trước. Đó là các sách nổi tiếng: *Lịch triều hiến chương loại chí* (trích) của Phan Huy Chú, *Đại Nam nhất thống chí* (trích) (*Quốc sử quán triều Nguyễn*), *Đại Việt địa dư* (Lương Văn Can), *Lịch sử Nam tiến của dân tộc Việt Nam* (Trúc Khê Ngô Văn Triện), *Đất nước Việt Nam qua các đời* (Đào Duy Anh)...

Được dịch từ nguyên tác chữ Hán, hoặc ấn bản nguyên tác tiếng Việt (chữ Quốc ngữ), các di sản văn hóa thành văn này phản ánh toàn cảnh và chi tiết về đất nước và con người Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc, với những thay đổi địa danh, sự tách nhập các địa phương trong các triều đại, thời kỳ, giai đoạn, thời điểm lịch sử cụ thể; với những danh thắng, di tích, phong tục tập quán, nghi lễ, tôn giáo; những điều kiện tự nhiên, tài nguyên, đời sống kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông thủy, bộ, cầu phà, bến bãi; những chính sách và quy chuẩn pháp lý Nhà nước và nhiều nội dung khác.

Vốn tri thức đó được tích lũy, khai thác qua nhiều thế hệ trước, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, chắc chắn sẽ là tài sản quý giá cho muôn đời sau và thật sự cần thiết cho mỗi người Việt Nam chúng ta.

THS. BÙI VĂN VƯỢNG

LỜI DẪN



Bộ sách lớn, được coi là bộ bách khoa toàn thư Việt Nam - *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (1782-1840), nguyên văn chữ Hán, đã được tập thể dịch giả của Viện Sử học dịch ra tiếng Việt (Quốc ngữ) và được Nhà xuất bản Sử học ấn hành năm 1960. Công trình đồ sộ này liền được đông đảo bạn đọc hoan nghênh, đón nhận. Phan Huy Chú biên soạn bộ sách này trong 10 năm, từ khi còn đi học, năm 1809 và đến năm 1819 thì hoàn thành, khi ông mới 37 tuổi. Hai năm sau, năm 1821, khi làm biên tu ở Viện Hàn lâm, ông dâng bộ sách này lên vua Minh Mệnh (1820-1840), được nhà vua khen sách hay và ban thưởng.

Bộ sách gồm 49 quyển, chia ra 10 chí (tức 10 bộ môn khoa học chuyên ngành). Trong đó có 3 chí được chúng tôi chọn trích ra để đưa vào bộ sách địa lý lịch sử và cho ra mắt quý vị độc giả một lần nữa: *Dư địa chí* - *Nhân vật chí* - *Quan chức chí*; bởi vì các chí này có nội dung phù hợp với chủ đề địa chí mà chúng ta đang quan tâm.

Giá trị của tác phẩm vô cùng lớn. Nó thể hiện khối lượng tri thức đồ sộ, vốn sống phong phú của tác giả, đồng thời được biên soạn công phu, tỉ mỉ, khoa học, trung thực và với một quan điểm tiến bộ. Thêm vào đó, các dịch giả đời sau đã dịch tác phẩm đạt chất lượng rất cao cả về nội dung lẫn cách diễn đạt.

Đây là một bộ sách có giá trị cho mọi người, cho muôn đời khi nghiên cứu, tìm hiểu đất nước - con người Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX trở về trước.

THS. BÙI VĂN VƯỢNG

TIỂU SỬ PHAN HUY CHÚ

Ông sinh năm Nhâm Dần 1782 và mất năm Canh Tý 1840.

Phan Huy Chú tên tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong. Thuở nhỏ có tên là Hạo, sau đổi tên là Chú. Ông là con trai thứ ba của Phan Huy Ích, thân mẫu là bà Ngô Thị Thục, con gái của Ngô Thì Nhậm. Tổ tiên của Phan Huy Chú ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An, sau di cư ra ở làng Sài Sơn, tức làng Thày phủ Quốc Oai, trấn Sơn Nam, nay thuộc Hà Nội.

Phan Huy Chú sinh ra và lớn lên trong gia đình khoa bảng, hai bên nội ngoại đều có người làm quan. Do vậy ngay từ nhỏ ông được nuôi dạy rất chu đáo. Vốn thông minh, lại cần cù, ông nổi tiếng hay chữ khắp vùng, nhưng hai lần đi thi chỉ đỗ tú tài, nên người đương thời gọi là ông *Kép Thày*.

Tuy nhiên, tiếng tăm của ông đã lan đến Kinh đô. Năm 1821 Minh Mệnh đã triệu ông vào Huế cho giữ chức biên tu trường Quốc Tử Giám. Năm 1825 ông được sung sứ bộ sang Trung Quốc, khi về giữ chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên. Năm 1829 được thăng Hiệp trấn Quảng Nam, rồi ít lâu bị giáng, trở về Huế giữ chức thị độc ở Viện Hàn lâm. Năm 1831 được cử làm phó sứ phái đoàn sứ bộ sang Trung Quốc. Nhưng khi trở về thì được sứ bộ đều bị giáng chức về tội "lộng quyền". Phan Huy Chú bị cách chức. Năm sau ông lại bị Minh Mệnh bắt đi công cán ở Giang Lưu Ba tức Indônêxia ngày nay. Lúc về ông được cử giữ chức Tư vụ bộ Công.

Sau đó chán cảnh quan trường, ông viện cớ đau chân, xin từ quan, lui về làng Thanh Mai, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây dạy học, viết sách (nay là xã Vũ Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội).

Cuộc đời làm quan của Phan Huy Chú thật ngắn ngủi và lận đận, hai lần bị giáng và cách chức. Nhưng điều đáng nói ở Phan Huy Chú là sự đóng góp to lớn của ông về phương diện văn hoá bằng công trình biên khảo lớn và công phu: bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*. Ngoài ra ông còn là tác giả của các

GIỚI THIỆU

Khoa học xã hội Việt Nam cũng như khoa học tự nhiên Việt Nam bắt đầu ở thời kỳ phát triển. Riêng về khoa học xã hội, các khoa học này chỉ có thể tiến lên, khi chúng ta có các tài liệu cần thiết làm cơ sở cho công tác nghiên cứu, tìm tòi. Nhận thấy mối quan hệ ấy, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa trước kia và Viện Sử học Việt Nam bây giờ đã cho phiên dịch và ấn hành bộ **Việt sử thông giám cương mục** tức **Khâm định Việt sử thông giám cương mục** do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn ra hồi thế kỷ XIX. **Việt sử thông giám cương mục** tuy là bộ sách khá phong phú về tài liệu, nhưng phần lớn các tài liệu này lại chỉ là tài liệu lịch sử mà thôi, còn các tài liệu về Chính Trị kinh tế học, về địa lý học, về luật học, về văn học, về ngoại giao, về quân sự, về chế độ quan liêu, về các nhân vật lịch sử thì lại không có hoặc chỉ có rất ít. Nhưng công tác khoa học xã hội của chúng ta hiện nay chỉ có thể phát triển khi có một nguồn tài liệu cần thiết tương đối đầy đủ. Các tài liệu cần thiết ấy hiện nay rải rác ở trong nhiều thư tịch Việt Nam do tổ tiên chúng ta để lại. Trong số các thư tịch này có bộ **Lịch triều hiến chương loại chí** là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam. **Lịch triều hiến chương loại chí** là cả một kho tài liệu cần thiết cho công tác nghiên cứu và xây dựng các khoa học xã hội. **Lịch triều hiến chương loại chí** gồm có 49 quyển, chia ra làm 10 bộ môn nghiên cứu tức 10 loại chí sau này:

1. **Dư địa chí** chuyên chủ nói về tình hình địa lý và lịch sử địa lý của nước Việt Nam.
2. **Nhân vật chí** nói về tiểu sử các vua chúa, các quan lại, các nho sĩ, các tướng sĩ, các người có tiết nghĩa, có tên tuổi trong lịch sử Việt Nam.
3. **Quan chức chí** nói về lịch sử chế độ quan liêu Việt Nam trong lịch sử.
4. **Lễ nghi chí** nói về nghi vệ, phẩm phục vua chúa, quan lại, các lễ của triều đình.

5. **Khoa mục chí** nói về chế độ khoa cử và những người thi đỗ từ tiến sĩ trở lên từ triều Lê trở về trước.

6. **Quốc dụng chí** nói về chế độ thuế khoá và chế độ tài chính của các triều đại trong lịch sử.

7. **Hình luật chí** nói về tình hình pháp luật của các triều đại, và nhất là tình hình pháp luật của triều Lê.

8. **Binh chế chí** nói về các tổ chức quân sự của nước Việt Nam qua các triều đại từ triều Lê trở về trước.

9. **Văn tịch chí** nói về các sách bằng chữ Nôm hay chữ Hán của Việt Nam từ triều Lê về trước.

10. **Bang giao chí** nói về chính sách ngoại giao, nghi lễ ngoại giao, lịch sử ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Trong tất cả các bộ môn nghiên cứu kể trên, Phan Huy Chú chỉ nghiên cứu các sự kiện từ triều Lê trở về trước, và thường chú trọng nghiên cứu đặc biệt về triều Lê, còn triều Nguyễn thì ông không nói đến (có lẽ để tránh các sự lôi thôi làm phiền lụy cho mình).

Các bộ môn nghiên cứu của **Lịch triều hiến chương loại chí** là những bộ môn đã được phân loại và hệ thống hoá khá rành mạch. **Vân đài loại ngữ** của Lê Quý Đôn cũng là bộ sách được phân loại và hệ thống hoá. Nhưng so với **Lịch triều hiến chương loại chí**, thì **Vân đài loại ngữ** không phân minh về mặt phân loại cũng như về mặt hệ thống hoá. Như vậy là giá trị của **Lịch triều hiến chương loại chí** trước hết là giá trị khoa học.

Các tài liệu của **Lịch triều hiến chương loại chí** không những phong phú và đã được phân loại, hệ thống hoá theo phương pháp khoa học, mà nói chung còn chính xác nữa. Đó là giá trị khoa học thứ hai của bộ sách vĩ đại của nhà học giả họ Phan.

Lịch triều hiến chương loại chí không chỉ là bộ sách có giá trị khoa học. Điều đáng đặc biệt chú ý là **Lịch triều hiến chương loại chí** lại là bộ sách tiến bộ về mặt tư tưởng nữa. Tính chất tiến bộ của bộ sách biểu hiện ở nhiều phương diện, nhưng có lẽ cụ thể và lý thú nhất là ở phương diện chế độ ruộng đất nước Việt Nam. Ta hãy xét vài đoạn về chế độ ruộng đất trong bộ sách lớn của họ Phan.

- "Chính sách nuôi dân không gì bằng làm cho dân có tài sản, mà muốn cho dân có tài sản, chủ yếu là việc quân điền. Bởi vì tai hoạ trong một nước,

BÀI TỰA

Tôi⁽¹⁾ nghe: Cách học để hiểu biết đến cùng mọi sự vật thì pháp độ điển chương của một nước là việc lớn, cần phải biết rõ. Khổng Tử nói: "Học rộng về văn". Văn tức là lễ phải của sự vật xưa nay, cốt yếu của điển lễ nhà nước. Kẻ học giả ngoài việc đọc kinh sử còn cần phải xét hỏi sâu rộng, tìm kiếm xa gần, khảo cứu để định lấy lễ phải, thế mới đáng là người học rộng; có phải chỉ nhặt lấy từng câu từng đoạn, nặn ra thành lời văn hoa mà gọi là văn đâu! Nước Việt ta, từ đời Đinh, Lê, Lý, Trần, phong hội đã mở, đời nào cũng có chế độ của đời ấy. Đến nhà Lê, kiến thiết kỹ càng, phép tắc đầy đủ, thanh danh của nước và văn hoá, nhân tài đều thịnh không kém gì Trung Hoa. Những phương pháp đặt quan chức, cách thức thi lấy đỗ, qui chế về binh lính và lý tài, lễ nghi ở trong nước và giao thiệp với nước ngoài, hết thảy có từng điều, từng chương và đều có điển lệ cốt yếu cả. Đời Hồng Đức (1470-1497) sửa định, các đời sau noi theo. Trong thời gian ấy trải bao vua chúa sáng suốt chăm chú lại, người giúp việc tài giỏi sửa sang thêm rõ ra; hơn 300 năm vẫn tuân theo, gìn giữ, tuy gọi là đời nọ theo điển lễ của đời kia nhưng cũng biết trong đó có sự thêm bớt.

Duy điển lễ của các triều, từ trước chưa có sách sẵn. Trong quốc sử biên chép công việc hàng năm về điển lễ còn sơ lược nhiều. Huống chi từ năm Bính Ngọ⁽²⁾ có việc binh đao đến giờ, sách cũ tan nát, chỉ còn được một ít của các cố gia thế tộc cất giấu đi. Các sách nát vỡ cũ còn lại biên chép lẫn lộn sai lầm chưa có đầu mối; có bản về điển cố của các triều, thì lờ mờ không bằng cứ vào đâu. Vậy thời chép lấy những điều mắt thấy tai nghe, chia ra từng việc từng loại để làm một quyển sách có khuôn phép há chẳng là nhiệm vụ của người học giả ru?

Hãy nói về việc cốt yếu như: gây dựng bờ cõi, lúc chia lúc hợp không giống nhau; thu dùng nhân tài đời trước đời sau đều có khác; đặt quan thì chia ra phẩm trật chức vụ; định lễ thì đặt ra miếu, tự, giao, xã⁽³⁾; lập khoa mục thì cách chọn học trò có đời kỹ càng có đời sơ lược; chỉ dùng trong nước thì cách lấy của dân có đời lấy nặng, có đời lấy nhẹ; hình phạt để giúp việc trị

(1) Nguyên văn là chữ "thần", nghĩa là bề tôi, lời xưng với vua.

(2) Tức là năm quân Tây Sơn kéo ra diệt Trịnh (1786).

(3) Miếu: tế nhà tôn miếu, Tự: tế các thần, Giao: tế trời, Xã: tế thần đất.